

QUÂN KHU 1
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SỐ 1 - BQP

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: TIẾNG TRUNG QUỐC

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5220209

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-CDN ngày 19 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề số 1 - BQP)*

Thái Nguyên, Năm 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-CDN ngày 19 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề số 1 - BQP)

Tên ngành, nghề: Tiếng Trung Quốc

Mã ngành, nghề: 5220209

Hình thức đào tạo: Chính quy (có thể đào tạo theo 3 phương thức: niên chế, tích lũy môđun hoặc tích lũy tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo Trung cấp tiếng Trung Quốc định hướng theo chuyên ngành tiếng Trung Quốc tổng hợp ứng dụng. Mục tiêu chính là cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức, đạo đức, và tác phong chuyên nghiệp cho thị trường lao động. Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ có năng lực tiếng Trung Quốc tương đương Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Người học được trang bị các kỹ năng ngôn ngữ cốt lõi như nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp hiệu quả về các chủ đề đời sống và nghiệp vụ cơ bản. Chương trình còn tích hợp kiến thức tổng quát về thương mại, văn hóa, và phong tục tập quán của Việt Nam và Trung Quốc. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các văn phòng, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch có sử dụng tiếng Trung Quốc ở trình độ trung cấp. Ngoài ra, người học có đủ nền tảng để liên thông lên các cấp học cao hơn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Ngành tiếng Trung Quốc trình độ cử nhân Trung cấp được định hướng theo chuyên ngành tiếng Trung Quốc tổng hợp ứng dụng, đặt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, có năng lực tiếng Trung Quốc đạt chuẩn quốc tế và sử dụng tiếng Trung Quốc tốt tại các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc viết theo định hướng tiếng Trung Quốc tổng hợp dựa trên chương trình đào tạo ở trình độ năng lực tiếng Trung Quốc tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam và có khả năng học liên thông lên cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức

- Hiểu được nội dung chính của các đoạn hội thoại về các chủ đề gần gũi với cuộc sống hoặc các cuộc hội thoại tự do với những người xung quanh.
- Giao tiếp được về những chủ đề gần gũi trong cuộc sống.

- Đọc hiểu được nội dung câu truyện ngắn, bưu thiếp, email, những thông tin cần thiết, bảng thông báo, ...

- Viết được một cách đơn giản về chủ đề gần gũi với cuộc sống, về kế hoạch, ý kiến bản thân.

- Áp dụng kiến thức tổng quát về các lĩnh vực soạn thảo văn bản, thương mại, du lịch, tiếp thị, ... để làm các công việc văn phòng tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ trong và ngoài nước.

- Khái quát hóa được kiến thức về thương mại, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của người Việt Nam và Trung Quốc.

- Vận dụng những phương pháp và kiến thức đã học vào điều kiện công tác ở Việt Nam cũng như nước ngoài tại nhiều khu vực ngành nghề khác nhau trong môi trường quốc tế hóa, toàn cầu hóa và trong thời đại tri thức hiện nay.

- Xây dựng cho bản thân nền tảng kiến thức cơ bản có hệ thống làm cơ sở quan trọng để người học ngành tiếng Trung Quốc có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở những cấp học cao hơn ở trong và ngoài nước hoặc tự bổ sung kiến thức khi thâm nhập vào thực tế công tác.

- Áp dụng và phát triển kiến thức về thương mại, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của người Việt Nam và Trung Quốc.

2.2.2. Về kỹ năng

Nghe:

- Nghe hiểu để ghi nhận và chuyển tiếp thông tin đơn giản rõ ràng về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, học tập và làm việc trong môi trường giao tiếp trực tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, diễn đàn... và việc học tập hằng ngày.

- Nghe và xác định được ý chính trong các bài nói, cuộc đối thoại, thảo luận thông thường hoặc thương mại về các chủ đề phổ biến.

- Nghe hiểu được các ý chi tiết trong các bài nói để điền đơn, bảng biểu, biểu đồ, sơ đồ, ghi chú với các chủ đề liên quan tới việc học tập và công việc.

Nói:

- Giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến về các vấn đề xã hội, gia đình và các tình huống thương mại, công sở.

- Hình thành kỹ năng ứng khẩu có sức thuyết phục, ngắt lời và làm rõ nghĩa, kỹ năng nghe để nắm thông tin, kỹ năng thảo luận nhóm, tham gia diễn đàn và câu lạc bộ.

Đọc:

- Đọc, phân loại, sắp xếp và đánh giá các tài liệu tiếng Trung Quốc thông thường hoặc về thương mại, văn phòng và giao dịch.

- Đọc hiểu các loại hợp đồng và văn kiện thương mại, như thư tín thương mại, email.

- Phát triển kỹ năng đọc lướt, đọc lấy thông tin và đưa ra các suy luận hoặc đánh giá.

Viết:

- Soạn thảo các hợp đồng thương mại cơ bản, tài liệu kinh doanh, thư tín thương mại cơ bản, viết email tiếng Trung Quốc, ghi chép trong các buổi họp có sử dụng tiếng Trung Quốc.

- Viết, so sánh, đối chiếu các biểu đồ, bảng dữ liệu thông thường trong kinh doanh thương mại.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;

- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;

- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan và tổ chức;

- Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;

- Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;

- Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi;

- Đánh giá được kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học được cấp bằng trung cấp ngành tiếng Trung Quốc, có khả năng làm việc tại các văn phòng cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch ... có sử dụng tiếng Trung Quốc ở trình độ trung cấp.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.455 giờ/55 tín chỉ

- Số lượng môn học, mô đun: 22

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/11 tín chỉ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.200 giờ/44 tín

- Khối lượng lý thuyết: 446 giờ. Thực hành, thực tập: 900 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

T T	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực nhận thức và hiểu biết về chính trị – xã hội
2	NLCB-02	Năng lực nhận thức và hiểu biết pháp luật
3	NLCB-03	Tự rèn luyện sức khỏe
4	NLCB-04	Năng lực bảo vệ Tổ quốc và an toàn bản thân

5	NLCB-05	Sử dụng tin học cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng được Tiếng Anh cơ bản đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Có ý thức, trách nhiệm trong công việc
8	NLCL-02	Năng lực tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề
9	NLCL-03	Năng lực giao tiếp và ứng xử văn hoá
10	NLCL-04	Năng lực tư duy ngôn ngữ và diễn đạt ý tưởng
11	NLCL-05	Nắm vững ngữ pháp cơ bản và vốn từ khoảng 1500–2000 từ, sử dụng đúng trong ngữ cảnh
12	NLCL-06	Năng lực nhận thức về bản chất và vai trò của ngôn ngữ
13	NLCL-07	Năng lực phát âm và ngữ âm tiếng Trung chuẩn
14	NLCL-08	Hiểu biết về văn hóa doanh nghiệp Trung Quốc
15	NLCL-09	Sử dụng được linh hoạt, đúng các từ vựng, lối diễn đạt, ngữ pháp, cấu trúc câu thường dùng trong giao tiếp
16	NLCL-10	Diễn đạt mạch lạc, đầy đủ các ý chính của một đoạn văn, chủ đề quen thuộc hàng ngày
III	Năng lực nâng cao	
17	NLNC-01	Tìm hiểu, so sánh và phân tích các đặc điểm văn hoá, lịch sử, xã hội Trung Quốc
18	NLNC-02	Biết ứng xử, trao đổi phù hợp với người Trung Quốc trong bối cảnh học tập hoặc làm việc
19	NLNC-03	Có kiến thức, kỹ năng làm việc trong các lĩnh vực nhà hàng khách sạn
20	NLNC-04	Biết viết CV, phỏng vấn, trao đổi công việc cơ bản bằng tiếng Trung
21	NLNC-05	Có kiến thức, kỹ năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/ bài tập/TL	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/ bài tập/TL	Thi/ Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng – an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	44	1200	352	752	96
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	285	121	139	25
MH 07	Kỹ năng mềm	2	30	14	12	4
MH 08	Khởi sự kinh doanh	3	45	29	11	5
MH 09	Cơ sở văn hóa	2	30	12	15	3
MH 10	Tiếng việt thực hành	2	30	11	16	3
MH 11	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	12	15	3
MĐ 12	Tiếng Trung Quốc cơ sở 1	4	120	43	70	7
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	27	870	217	588	65
MĐ 13	Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1	2	60	20	34	6
MĐ 14	Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 2	2	60	18	36	6
MĐ 15	Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 3	2	60	20	34	6
MĐ 16	Nghe - Nói Tiếng Trung 1	3	90	26	56	8
MĐ 17	Đọc - Viết Tiếng Trung 1	3	90	25	57	8
MĐ 18	Nghe - Nói Tiếng Trung 2	4	120	36	78	6
MĐ 19	Đọc - Viết Tiếng Trung 2	4	120	41	72	7
MĐ 20	Tiếng Trung Thương mại	3	90	31	51	8
MH 21	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	170	10
II.3	Môn học, mô đun chuyên môn tự chọn	2	45	14	25	6
MĐ 22.1	Tiếng Trung Quốc Du lịch	2	45	14	25	6
MĐ 22.2	Tiếng Trung hành chính văn phòng	2	45	14	25	6

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/ bài tập/TL	Thi/ Kiểm tra
Tổng cộng		55	1455	446	900	109

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung:

Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06.12.2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26.09.2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26.09.2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn giáo dục quốc phòng và an ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26.09.2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26.09.2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn Tiếng Anh: Thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17.01.2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành chương trình

môn học Tiếng Anh thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Được bố trí ngoài thời gian đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể có các hoạt động ngoại khóa sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: + Qua các phương tiện thông tin đại chúng + Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

a) Đối với đào tạo theo niên chế:

Người học phải học hết chương trình đào tạo của ngành Tiếng Trung Quốc trình độ trung cấp và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp gồm: Môn thi Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành:

+ Thi Lý thuyết chuyên môn được tổ chức theo hình thức thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm; thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

+ Thi Thực hành được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm, dịch vụ hoặc một phần sản phẩm, dịch vụ.

b) Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo của ngành Tiếng Trung Quốc trình độ trung cấp và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp.

c) Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp hoặc xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trung cấp Tiếng Trung Quốc cho người học./.